

CHIẾN TRANH PHÁP LÝ TRONG QUAN HỆ QUỐC TẾ: VIỆC SỬ DỤNG LUẬT PHÁP QUỐC TẾ TRONG XUNG ĐỘT ĐỊA CHÍNH TRỊ VÀ ĐỊNH HƯỚNG CHO VIỆT NAM

Dương Đức Anh*

Tóm tắt

“Chiến tranh pháp lý” đang nổi lên như một công cụ chiến lược quan trọng trong các xung đột địa chính trị hiện đại. Thông qua khảo sát, phân tích khái niệm và các vụ việc điển hình như xung đột Ấn Độ - Pa-ki-xtan, Nga - U-crai-na, I-xra-en - Pa-le-xtin, cạnh tranh Mỹ - Trung Quốc và gần đây nhất là xung đột biên giới Thái Lan - Cam-pu-chia, tác giả mong muốn làm rõ cả về mặt lý luận và thực tiễn khi luật pháp quốc tế vừa được sử dụng như vũ khí chính trị, vừa là chiến trường cạnh tranh quyền lực trong quan hệ quốc tế hiện đại. Đây cũng là nội dung chưa có nhiều nghiên cứu chuyên sâu ở Việt Nam hoặc có hệ thống nhằm gợi mở, đề xuất các chính sách, chủ trương liên quan đến việc sử dụng chiến lược chiến tranh pháp lý đối với các nước nhỏ, trong đó có Việt Nam. Bài viết phân tích góc nhìn của Việt Nam nhấn mạnh vai trò của chiến tranh pháp lý trong bảo vệ chủ quyền tại Biển Đông, từ đó đề xuất các định hướng chiến lược về thể chế, nhân lực và truyền thông pháp lý trước yêu cầu ngày cao trong bối cảnh quốc tế biến động hiện tại.

Từ khóa: Chiến tranh pháp lý, xung đột địa chính trị, công cụ chiến lược, Việt Nam.

* ThS., Cục Lãnh sự, Bộ Ngoại giao.

Mở đầu

Bài viết này trao đổi các vấn đề liên quan của một xu hướng đang ngày càng được định hình rõ nét trong quan hệ quốc tế hiện đại, khi các quốc gia sử dụng luật pháp quốc tế như một công cụ chiến lược vừa để bảo vệ lợi ích, gia tăng ảnh hưởng và vừa để đối phó với sự đe dọa từ các thay đổi khó lường trong quan hệ quốc tế. Từ thực tiễn này, khái niệm “chiến tranh pháp lý” đã trở thành một phần không thể thiếu trong các tính toán chính trị và xung đột toàn cầu.

Bài viết chỉ ra rằng luật pháp quốc tế không chỉ là khuôn khổ chính danh của hành động quốc gia, mà đã và đang trở thành “chiến trường” để các nước khai thác, thao túng nhằm tạo lợi thế trong đối đầu chính trị. Để làm rõ điều này, bài viết sử dụng phương pháp phân tích tài liệu và nghiên cứu tình huống để tìm hiểu các khía cạnh của chiến tranh pháp lý trong các xung đột điển hình, đánh giá thành công và hạn chế, đồng thời đề xuất những định hướng chiến lược pháp lý dành cho Việt Nam.

Nội dung bài viết bao gồm năm phần chính: (i) Bối cảnh hình thành và các loại hình chiến tranh pháp lý; (ii) Tranh luận liên quan đến việc sử dụng chiến tranh pháp lý trong quan hệ quốc tế; (iii) Phân tích một số tình huống điển hình sử dụng chiến tranh pháp lý; (iv) Các tác động đến hệ thống luật pháp quốc tế và quyền lực toàn cầu; và (v) Liên hệ với Việt Nam.

Khái niệm và các loại hình chiến tranh pháp lý

Trong bối cảnh quốc tế biến động khó lường bởi cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc, xung đột cũng vì đó chuyển từ đối đầu quân sự trực diện sang các hình thức phi truyền thống như chiến tranh thương mại, thông tin, công nghệ và pháp lý. Từ thực tế này, khái niệm “chiến tranh pháp lý” (lawfare) được ra đời trên cơ sở sự kết hợp của “pháp

luật” (law) và “chiến tranh” (warfare). Khái niệm này mô tả việc sử dụng luật pháp như một vũ khí để đạt mục tiêu chiến lược trong quan hệ quốc tế. Luật pháp khi đó không chỉ là luật chơi chung hay là công cụ của công lý, mà còn bị “vũ khí hóa” nhằm phục vụ cạnh tranh quyền lực và áp đặt trật tự. Từ Biển Đông đến U-crai-na, từ dải Gaza đến cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung Quốc đều cho thấy luật pháp quốc tế đã trở thành một mặt trận thực sự trong bối cảnh thế giới có nhiều thay đổi nhanh và khó lường.

Thuật ngữ “chiến tranh pháp lý” hiện đại lần đầu tiên được Charles J. Dunlap Jr., một tướng lĩnh không quân Mỹ, đưa ra trong bài viết năm 2001 về luật pháp và can thiệp quân sự.¹ Theo Dunlap, chiến tranh pháp lý là việc sử dụng hoặc lạm dụng luật pháp như một công cụ để đạt được các mục tiêu chiến lược, quân sự hoặc chính trị, thường mang hàm ý tiêu cực về sự thao túng luật pháp nhằm phục vụ lợi ích chính trị thay vì bảo vệ giá trị nhân đạo. Tuy nhiên, một số học giả khác trong đó có Giáo sư Orde F. Kittrie (Mỹ) đã đưa ra một góc nhìn tích cực hơn, xem chiến tranh pháp lý như một hình thức “mềm hóa” xung đột, thay thế bạo lực bằng các biện pháp tranh tụng và điều chỉnh pháp lý, từ đó giảm thiểu xung đột vũ trang và thúc đẩy giải pháp hòa bình.² Trong bài viết này, chiến tranh pháp lý được hiểu như chiến lược sử dụng luật pháp quốc tế một cách có chủ đích để đạt được lợi ích chính trị hoặc chiến lược, bao gồm cả bảo vệ lợi ích quốc gia và tiêu cực hơn như thao túng pháp luật.

Từ thực tiễn, tính chất và đặc điểm các cuộc chiến tranh pháp lý được ghi nhận trong lịch sử thế giới hiện đại, có thể phân loại chiến tranh pháp lý theo mục đích hoặc theo tính chất.

¹ Charles J. Dunlap Jr., *Law and Military Interventions: Preserving Humanitarian Values in 21st Century Conflicts*, Harvard Kennedy School Working Paper (2001): 4.

² Orde F. Kittrie, *Lawfare: Law as a Weapon of War* (New York: Oxford University Press, 2016), 3.

Nếu xét theo mục đích, hiện có hai loại chiến tranh pháp lý được ghi nhận bao gồm: (i) Chiến tranh pháp lý tấn công (offensive lawfare): chủ động khởi kiện, ban hành quy định pháp lý xuyên biên giới, hoặc thao túng quy trình pháp lý quốc tế để gây áp lực lên đối phương (ví dụ: việc Mỹ áp dụng các biện pháp trừng phạt kinh tế thông qua Đạo luật Magnitsky để gây áp lực lên các cá nhân và tổ chức Trung Quốc); và (ii) Chiến tranh pháp lý phòng thủ (defensive lawfare): sử dụng luật pháp để ngăn chặn, tự bảo vệ, trì hoãn hoặc vô hiệu hóa hành vi cưỡng chế từ các chủ thể khác (ví dụ: Cam-pu-chia yêu cầu Tòa án Công lý quốc tế diễn giải lại phán quyết năm 1962 trong tranh chấp đền Preah Vihear để bảo vệ chủ quyền).

Nếu xét theo tính chất, có thể phân loại chiến tranh pháp lý thành những dạng thức sau: (i) Chiến tranh pháp lý tại các diễn đàn quốc tế (forum lawfare): sử dụng nhiều thiết chế pháp lý đồng thời để tăng sức ép toàn diện (ví dụ: U-crai-na kiện Nga tại Tòa án Công lý quốc tế (ICJ), Tòa án Hình sự quốc tế (ICC) và Tòa án quốc tế về Luật biển (ITLOS) bắt nguồn từ xung đột năm 2014); (ii) Chiến tranh pháp lý uy tín (reputational lawfare): làm suy giảm uy tín và tính chính danh của đối phương thông qua việc sử dụng công cụ và ngôn ngữ pháp lý (Ví dụ: Pa-le-xtin đệ đơn lên ICC để cáo buộc I-xra-en vi phạm luật nhân đạo quốc tế); (iii) chiến tranh pháp lý cấu trúc (structural lawfare): tác động dài hạn để thay đổi luật lệ và thiết chế quốc tế theo hướng có lợi cho quốc gia mình (ví dụ: việc Trung Quốc thúc đẩy các tiêu chuẩn pháp lý trong sáng kiến Vành đai Con đường); và (iv) Chiến tranh pháp lý kỹ thuật số (digital lawfare): sử dụng luật pháp để điều chỉnh không gian mạng - một “chiến trường” cạnh tranh mới giữa các cường quốc bao gồm chiến lược đưa ra các quy định về an ninh mạng, dữ liệu xuyên biên giới và quyền riêng tư (ví dụ: Luật An ninh mạng 2017 của Trung Quốc nhằm kiểm soát dữ liệu và tăng cường ảnh hưởng trong không gian mạng quốc tế).

Tranh luận liên quan đến việc sử dụng chiến tranh pháp lý trong quan hệ quốc tế

Chiến tranh pháp lý như một dạng quyền lực mềm

Chiến tranh pháp lý là một phần của quyền lực mềm, giúp các quốc gia đạt mục tiêu chính trị mà không cần sử dụng đến vũ lực. Luật pháp quốc tế khi đó vừa là vũ khí, vừa là chiến trường và diễn ra dưới lớp vỏ bọc hợp pháp, chính danh nhưng mang động cơ chính trị và cường quyền. Nó thường đi kèm các công cụ như ngoại giao công chúng, truyền thông chiến lược và vận động hành lang tại các tổ chức quốc tế, được một số học giả xem là “mặt trận thứ ba” sau ngoại giao và quân sự.

Vấn đề đạo đức và pháp lý

Một trong những tranh luận lớn nhất xoay quanh chiến tranh pháp lý là ranh giới giữa việc “vũ khí hóa luật pháp” và việc “sử dụng luật pháp như một công cụ hợp pháp” để đạt được lợi ích cốt lõi trong quan hệ quốc tế. Một bên lập luận rằng việc sử dụng luật quốc tế như một công cụ chiến lược là biểu hiện của sự trưởng thành trong chính sách đối ngoại; trong khi đó các bên còn lại lo lắng chiến tranh pháp lý sẽ làm xói mòn tính khách quan, công bằng của hệ thống luật pháp quốc tế.³ Chiến tranh pháp lý cũng là nguyên nhân làm gia tăng hiện tượng “tiêu chuẩn kép” khi các nước lớn có xu hướng vừa tạo ra luật chơi, vừa vi phạm luật chơi nhưng lại không có cơ chế kìm hãm, trừng phạt tương ứng. Trong bối cảnh đó, các quốc gia nhỏ cần có cách tiếp cận tỉnh táo, biết tận dụng hệ thống pháp luật quốc tế nhưng không bị cuốn vào vòng xoáy thao túng pháp lý.

³ Michael Dressler, “Lawfare: Both an Existential Threat to the International Rule of Law and an Indispensable Tool of American Foreign Policy in the Twenty-First Century,” *Penn State Law Review Forum*, 06/3/2021, <https://www.pennstatelawreview.org/the-forum/lawfare-both-an-existential-threat-to-the-international-rule-of-law-and-an-indispensable-tool-of-american-foreign-policy-in-the-twenty-first-century/>.

Phân tích một số tình huống điển hình

Ấn Độ - Pa-ki-xtan: Tranh chấp tại Kashmir và chiến tranh pháp lý tại các diễn đàn quốc tế

Tranh chấp tại khu vực Kashmir giữa Ấn Độ và Pa-ki-xtan là một trong những cuộc xung đột lãnh thổ kéo dài và phức tạp nhất trong lịch sử hiện đại. Về mặt pháp lý, cả Ấn Độ và Pa-ki-xtan đều viện dẫn các nguyên tắc của luật quốc tế để khẳng định chủ quyền hoặc quyền can thiệp của mình đối với khu vực này. Tuy nhiên, cuộc chiến pháp lý giữa hai nước chỉ thực sự trở nên nổi bật kể từ năm 2019 khi Ấn Độ quyết định bãi bỏ Điều 370 của Hiến pháp - điều khoản quy định quy chế tự trị đặc biệt cho các bang Jammu và Kashmir do Ấn Độ quản lý, đưa hai vùng lãnh thổ này về trực tiếp dưới quyền quản lý của Chính phủ Trung ương nhằm tạo cơ hội cho phía Ấn Độ tiến hành hàng loạt các biện pháp thiết quân luật tại đây.

Trên cơ sở các yếu tố lịch sử và tranh chấp lâu dài về mặt lãnh thổ, Pa-ki-xtan ngay lập tức phản ứng mạnh mẽ bằng các biện pháp pháp lý quốc tế. Nước này đã trình bày vụ việc trước Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc và Hội đồng Nhân quyền, cáo buộc Ấn Độ vi phạm luật nhân quyền quốc tế, đặc biệt là Công ước Quốc tế về Quyền Dân sự và Chính trị (ICCPR) và Công ước Chống tra tấn.⁴ Đồng thời, Pa-ki-xtan công bố các hồ sơ pháp lý và vận động hành lang các tổ chức quốc tế để lên án hành động của Ấn Độ.

Điểm đặc biệt của cuộc chiến pháp lý này là việc nó được tiến hành song song với các chiến dịch truyền thông toàn cầu, sử dụng luật pháp như một phương tiện tăng cường vị thế đạo lý của Pa-ki-xtan và gây áp lực chính trị lên Ấn Độ. Dù chưa có một vụ kiện quốc tế chính

⁴ *Arab News*, “Pakistan Urges UN to Act on Kashmir Dispute,” 5/2/2020, <https://www.arabnews.com/node/1632921/pakistan>.

thức được đệ trình, các biện pháp mà Pa-ki-xtan thực hiện đã tạo hiệu ứng dư luận và làm suy yếu nỗ lực chính danh hóa hành động của Ấn Độ. Trường hợp này cũng cho thấy cách một quốc gia yếu thế hơn có thể triển khai chiến tranh pháp lý không chỉ thông qua các cơ chế tòa án quốc tế mà còn qua cơ chế diễn đàn (forum lawfare), sử dụng luật pháp như công cụ củng cố tuyên bố chính trị và đạo đức trong tình huống xung đột.

Nga - U-crai-na: Vũ khí hóa luật pháp trong xung đột hiện đại

Xung đột Nga - U-crai-na là một ví dụ điển hình cho việc sử dụng chiến tranh pháp lý như một mặt trận song song với mặt trận quân sự. Ngay từ giai đoạn đầu vào năm 2014 và đặc biệt là sau giai đoạn năm 2022, U-crai-na đã chủ động khai thác, sử dụng pháp luật quốc tế để tố cáo hành vi của Nga và tìm kiếm giải pháp từ các thiết chế quốc tế nhằm cô lập và gây sức ép với Nga.

Ngay trong tuần đầu tiên sau khi Nga mở chiến dịch quân sự vào tháng 2/2022, U-crai-na đã đệ đơn lên Tòa án Công lý quốc tế (ICJ) yêu cầu áp dụng các biện pháp tạm thời đối với Nga, cáo buộc Nga vi phạm Công ước về ngăn ngừa và trừng trị tội ác diệt chủng.⁵ Trong “lệnh” ngày 16/3/2022, ICJ đã yêu cầu Nga chấm dứt ngay các hoạt động quân sự, mặc dù Nga không tham gia phiên tòa và không tuân thủ biện pháp tạm thời do ICJ đưa ra. Dù không mang lại hiệu lực cưỡng chế tức thì, biện pháp của Tòa có giá trị biểu tượng pháp lý cao, giúp U-crai-na tập hợp sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế và tăng cường vị thế chính danh.

Đồng thời, U-crai-na cũng tiến hành các thủ tục liên quan tại Tòa án Nhân quyền châu Âu (ECHR), Ủy ban Nhân quyền Liên hợp quốc, Tòa án Luật biển quốc tế (ITLOS) và hỗ trợ các nỗ lực điều tra tội ác

⁵ International Court of Justice, Application of the International Convention for the Suppression of the Financing of Terrorism (Ukraine v. Russian Federation), Provisional Measures, ICJ Reports 2017.

chiến tranh tại Tòa án Hình sự quốc tế (ICC). Một số quốc gia khác, như Đức, Pháp, Ba Lan, Lit-va... cũng viện dẫn quyền tài phán của ICC để khởi động điều tra về tội ác chiến tranh của quân đội Nga. Bên cạnh đó, U-crai-na còn tiến hành vận động, thúc đẩy cơ chế trừng phạt kinh tế quốc tế thông qua công cụ pháp lý, như các đạo luật trừng phạt từ EU, Mỹ, và các quốc gia khác, cáo buộc Nga vi phạm luật nhân đạo quốc tế và các quy định liên quan đến chủ quyền quốc gia.

Trường hợp này cho thấy cách một quốc gia yếu thế về mặt quân sự có thể sử dụng luật pháp quốc tế để củng cố vị thế, tranh thủ sự ủng hộ toàn cầu và tạo sức ép đa tầng lên đối phương. Tuy nhiên, hạn chế lớn của chiến tranh pháp lý trong trường hợp này là thiếu cơ chế thực thi hiệu quả đối với các quốc gia không hợp tác hoặc có quyền phủ quyết tại Hội đồng bảo an như Nga. Mặc dù vậy, việc xây dựng một hồ sơ pháp lý toàn diện có thể tạo nền tảng và giúp U-crai-na trong dài hạn, góp phần nâng cao tính chính danh cho nước này trên trường quốc tế.

I-xra-en - Pa-le-xtin: Cuộc chiến pháp lý tại ICJ

Cuộc xung đột I-xra-en - Pa-le-xtin từ lâu đã không chỉ là một cuộc chiến trên mặt trận ngoại giao, quân sự, mà còn là một mặt trận pháp lý dai dẳng tại các diễn đàn quốc tế. Tòa án Hình sự quốc tế (ICC) trở thành tâm điểm trong cuộc chiến pháp lý giữa I-xra-en và Pa-le-xtin, đặc biệt sau khi Pa-le-xtin gia nhập Quy chế Rome năm 2015, dù tư cách pháp lý của Pa-le-xtin với tư cách là một “quốc gia” vẫn còn nhiều tranh cãi và bị I-xra-en phản đối. Pa-le-xtin đã đệ trình hàng loạt đơn khiếu nại lên ICC, yêu cầu điều tra các hành vi được cho là tội ác chiến tranh và tội ác chống lại loài người của I-xra-en tại dải Gaza, Bờ Tây và Đông Jerusalem, dựa trên Điều 7 và Điều 8 của Quy chế Rome cũng như các quy định của Luật nhân đạo quốc tế liên quan đến hành vi chiếm đóng và trục xuất dân cư. Việc Pa-le-xtin sử dụng Tòa án Hình sự quốc tế thể hiện rõ một chiến lược nhằm chuyển hóa tranh chấp vũ trang thành vấn

đề pháp lý và nhân đạo toàn cầu. Về phía mình, do I-xra-en không phải là nước thành viên Quy chế Rome nên đã phản đối mạnh mẽ thẩm quyền xét xử của Tòa và cáo buộc có sự thiên vị chính trị. I-xra-en còn tổ chức chiến dịch phản biện pháp lý quy mô, kêu gọi các đồng minh như Mỹ, Ca-na-đa, Ô-xtrây-li-a cùng một số quốc gia châu Âu công khai chỉ trích quyết định điều tra của Tòa. Chiến lược của I-xra-en cũng bao gồm việc sử dụng truyền thông quốc tế để làm giảm uy tín của ICC và phủ nhận tính chính danh của quá trình điều tra.

Tình huống này minh chứng rõ nét cho việc sử dụng chiến lược chiến tranh pháp lý uy tín (reputational lawfare) khi một bên sử dụng cơ chế pháp lý quốc tế không chỉ để tìm kiếm công lý, mà còn nhằm làm suy giảm uy tín và tính chính danh của đối phương. Việc sử dụng Tòa án Hình sự quốc tế như một công cụ pháp lý - chính trị đồng thời cũng thể hiện khía cạnh biểu tượng của chiến tranh pháp lý, trong đó luật pháp quốc tế là phương tiện định hình nhận thức toàn cầu chứ không nhất thiết phải là giải pháp cuối cùng.

Mỹ - Trung Quốc: Chiến tranh pháp lý trên lĩnh vực thương mại và công nghệ

Thập niên qua chứng kiến quan hệ Mỹ - Trung bước vào giai đoạn cạnh tranh toàn diện, không chỉ về chính trị, kinh tế mà còn về thương mại, quân sự và đặc biệt là về mặt pháp lý. Cả hai quốc gia đều sử dụng luật pháp như một vũ khí chiến lược để bảo vệ lợi ích và kiềm chế đối phương trong nhiều lĩnh vực từ sở hữu trí tuệ, chuỗi cung ứng, đến an ninh quốc phòng và nhân quyền.

Theo đó, Mỹ đã triển khai hàng loạt đạo luật nội địa có tác động vượt biên giới như Luật Magnitsky, Luật ủy quyền quốc phòng, hay Đạo luật Chính sách nhân quyền người Duy Ngô Nhĩ. Các luật này không chỉ đặt nền tảng cho việc trừng phạt các cá nhân và tổ chức Trung Quốc, mà

còn buộc các công ty đa quốc gia tuân thủ tiêu chuẩn pháp lý của Mỹ. Trong các vụ việc liên quan đến Huawei, TikTok hay DJI, Mỹ đã sử dụng luật pháp như công cụ cưỡng chế và tạo áp lực kinh tế, công nghệ lên quốc gia đồng dân nhất thế giới.⁶

Ngược lại, Trung Quốc cũng phản ứng bằng chiến tranh pháp lý một cách có hệ thống. Bắc Kinh đưa vụ việc Mỹ đánh thuế lên hàng hóa Trung Quốc ra WTO, ban hành luật “chống trừng phạt nước ngoài”, và thiết lập danh sách “thực thể không đáng tin cậy.” Ngoài ra, Trung Quốc đẩy mạnh chiến dịch “luật hóa toàn cầu” với mục tiêu thiết lập các tiêu chuẩn riêng tại các tổ chức như Liên minh Viễn thông quốc tế (ITU), Tổ chức Tiêu chuẩn hóa quốc tế (ISO) hay Ủy ban Liên hợp quốc về Luật thương mại quốc tế (UNCITRAL). Điều này thể hiện một dạng chiến tranh pháp lý có tính cấu trúc, trong đó một quốc gia tìm cách thay đổi sân chơi luật lệ quốc tế để phù hợp với lợi ích riêng.

Đây là ví dụ điển hình cho sự chuyển dịch từ chiến tranh pháp lý phòng thủ sang chiến tranh pháp lý tấn công nhằm sử dụng luật pháp quốc tế không chỉ như công cụ đối phó, mà trở thành một phương tiện định hình lại trật tự pháp lý toàn cầu. Trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược ngày càng sâu sắc, cuộc chiến pháp lý Mỹ - Trung sẽ tiếp tục có ảnh hưởng lan tỏa đến toàn bộ hệ thống quốc tế, bao gồm cả các quốc gia có lợi ích liên quan như Việt Nam.

Thái Lan - Cam-pu-chia: Tranh chấp đền Preah Vihear và mặt trận pháp lý tại Tòa án Công lý quốc tế

Tranh chấp giữa Thái Lan và Cam-pu-chia tại khu vực đền Preah Vihear là một ví dụ điển hình về chiến tranh pháp lý tại khu vực Đông

⁶ US Congress, National Defense Authorization Act for Fiscal Year 2020, Public Law No. 116-92, 133 Stat. 1198 (December 20, 2019); US Congress, Uyghur Human Rights Policy Act of 2020, Public Law No. 116-145, 134 Stat. 648 (2020).

Nam Á, nơi tập trung các quốc gia đang phát triển và luật pháp quốc tế được sử dụng như một công cụ để định đoạt chủ quyền lãnh thổ. Ngòi đên cổ đại này tọa lạc gần biên giới hai nước và đã trở thành tâm điểm của tranh chấp từ đầu thế kỷ XX, khi cả hai bên đều tuyên bố chủ quyền đối với khu vực xung quanh. Năm 1962, Tòa án Công lý quốc tế (ICJ) đã ra phán quyết ngòi đên thuộc về Cam-pu-chia, dựa trên bản đồ Pháp - Xiêm từ năm 1907. Tuy nhiên, phán quyết này không giải quyết triệt để quyền kiểm soát đối với vùng đất liền kề quanh ngòi đên, dẫn đến nhiều căng thẳng âm ỉ kéo dài hàng thập niên. Vào năm 2008, sau khi UNESCO công nhận đên Preah Vihear là Di sản thế giới theo đề nghị của Cam-pu-chia, các cuộc đụng độ vũ trang giữa hai nước đã tái diễn, làm leo thang xung đột chính trị, quân sự.

Thay vì sa vào đối đầu kéo dài, Cam-pu-chia đã chủ động khởi xướng một chiến lược pháp lý bằng cách yêu cầu Tòa án công lý quốc tế diễn giải lại phán quyết năm 1962, làm rõ phạm vi nghĩa vụ của Thái Lan trong việc rút quân và công nhận chủ quyền. Đây được xem là một bước đi chiến lược mang tính phòng thủ - sử dụng luật pháp để xác định lại tình trạng pháp lý của khu vực tranh chấp, thay vì chỉ dựa vào các biện pháp quân sự hay ngoại giao truyền thống.

Năm 2013, ICJ ra phán quyết bổ sung, khẳng định Cam-pu-chia có chủ quyền đối với toàn bộ khu vực đên Preah Vihear, đồng thời yêu cầu Thái Lan rút quân và không cản trở quyền tiếp cận của Cam-pu-chia. Phán quyết này đã giúp làm giảm căng thẳng song phương và mở đường cho đối thoại thay vì đối đầu.

Vụ việc Preah Vihear là minh chứng sống động cho dạng chiến tranh pháp lý phòng thủ, trong đó một quốc gia nhỏ hơn đã sử dụng hệ thống tài phán quốc tế để bảo vệ chủ quyền và tính chính danh lãnh thổ của mình.

Những điều rút ra từ việc phân tích các tình huống điển hình

Các tình huống nghiên cứu điển hình cho thấy chiến tranh pháp lý đã và đang trở thành một công cụ không thể thiếu trong chính sách đối ngoại của nhiều nước, đặc biệt trong bối cảnh các thiết chế tài phán quốc tế là cơ sở duy nhất để cân bằng trật tự pháp lý toàn cầu. Từ những nội dung đã phân tích, có thể rút ra một số nhận định như sau:

Thứ nhất, chiến lược chiến tranh pháp lý đã phát huy hiệu quả đối với các quốc gia nhỏ và vừa như Pa-le-xtin, Cam-pu-chia, hay U-crai-na khi những chủ thể này tận dụng hệ thống pháp lý quốc tế như một phương tiện chính danh để đối trọng với các nước lớn có ưu thế quân sự hoặc chính trị. Điển hình là việc Cam-pu-chia đã thành công trong sử dụng ICJ để khẳng định chủ quyền tại đên Preah Vihear mà không cần đối đầu quân sự kéo dài với Thái Lan; U-crai-na dù không có ưu thế quân sự so với Nga, nhưng đã xây dựng được hồ sơ pháp lý toàn diện nhằm thu hút sự ủng hộ quốc tế và cô lập đối phương trên lĩnh vực ngoại giao.

Thứ hai, đối với các quốc gia có năng lực pháp lý và chiến lược bài bản, lâu dài như Mỹ hoặc Trung Quốc, chiến tranh pháp lý không chỉ là công cụ phòng vệ, mà còn là phương tiện tấn công, giúp thiết lập luật chơi mới có lợi cho nước mình. Mỹ sử dụng nội luật có hiệu lực xuyên biên giới để gây sức ép toàn cầu; trong khi Trung Quốc đẩy mạnh chiến lược “luật hóa toàn cầu” nhằm tác động dài hạn đến các thiết chế quốc tế. Tuy nhiên, việc cả hai nước sử dụng luật pháp như công cụ quyền lực đã làm dấy lên lo ngại về sự suy yếu của tính khách quan và phổ quát của hệ thống pháp lý quốc tế.

Thứ ba, vẫn còn những hạn chế chung trong hiệu quả của chiến lược chiến tranh pháp lý, đặc biệt là việc thực thi các phán quyết. Nhiều phán quyết quốc tế như trong vụ U-crai-na kiện Nga hoặc phán quyết của Tòa án Hình sự quốc tế liên quan đến I-xra-en không được thực thi hoặc bị từ chối hợp tác bởi các nước thua kiện. Điều này phản ánh giới hạn

lớn nhất của chiến tranh pháp lý khi thiếu cơ chế thực thi hiệu quả đối với các chủ thể có vị thế lớn hoặc quyền phủ quyết trong hệ thống tổ chức quốc tế.

Cuối cùng, một điểm đáng lưu ý là vai trò của truyền thông và chiến lược dư luận đi kèm với chiến tranh pháp lý ngày càng được coi trọng. Việc xây dựng “trận địa pháp lý” nay không chỉ diễn ra tại các toà án, mà còn trên các phương tiện truyền thông quốc tế, nơi các bên tìm cách định hình nhận thức và tạo ưu thế chính danh cho lập trường của mình.

Tác động đến hệ thống luật pháp quốc tế và quyền lực toàn cầu

Phân mảnh luật pháp quốc tế

Sự gia tăng sử dụng chiến lược chiến tranh pháp lý sẽ dẫn đến hệ quả đáng lưu ý là sự phân mảnh của hệ thống luật pháp quốc tế. Khi các quốc gia chọn lọc thiết chế pháp lý có lợi cho mình, hiện tượng “tìm kiếm diễn đàn” hay “forum shopping” sẽ ngày càng trở nên phổ biến và có thể làm suy yếu tính thống nhất và hiệu lực của pháp quyền. Tình trạng này thường đi kèm với xu hướng “chính trị hóa” các tổ chức quốc tế, làm cho luật quốc tế mất dần vai trò là luật chơi, khuôn khổ pháp lý chung cho cộng đồng các quốc gia trên thế giới. Hệ quả là một kiểu chủ nghĩa hiện thực pháp lý (legal realism)⁷ sẽ trỗi dậy và các quốc gia theo chủ nghĩa này sẽ chỉ lựa chọn tuân thủ luật pháp quốc tế nếu thấy phù hợp với lợi ích quốc gia mình. Bên cạnh đó, các phán quyết của các thiết chế tòa án quốc tế như Tòa án công lý quốc tế, Tòa trọng tài thường trực hay Tòa án hình sự quốc tế dù có giá trị pháp lý nhưng vì lí do nêu trên cũng sẽ bị xem nhẹ hoặc bị trì hoãn thi hành khi không có biện pháp cưỡng chế hoặc đồng thuận chính trị.

⁷ Martti Koskenniemi, “The Politics of International Law,” *European Journal of International Law*, no. 1 (2005): 1.

Chiến tranh pháp lý như công cụ cạnh tranh ảnh hưởng

Luật pháp quốc tế dần trở thành chiến trường cạnh tranh ảnh hưởng giữa các cường quốc. Mỹ và các nước phương Tây tập trung vào các diễn đàn, cơ chế như Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), Tòa án Hình sự quốc tế và cơ chế nhân quyền; trong khi Trung Quốc tích cực thúc đẩy các tiêu chuẩn riêng trong lĩnh vực thương mại điện tử, hệ thống mạng, trọng tài và đầu tư. Cạnh tranh pháp lý còn được thể hiện rõ qua Sáng kiến Vành đai Con đường của Trung Quốc, vốn gắn liền với các hiệp định mẫu do nước này thiết kế. Ngoài ra, chiến tranh pháp lý còn là công cụ để xây dựng hình ảnh và “chính danh hóa quyền lực”.⁸ Cả Mỹ, Nga, Trung Quốc, và các cường quốc đều cố gắng vận dụng luật quốc tế để định nghĩa lại khái niệm hợp pháp - bất hợp pháp, chính nghĩa - phi nghĩa trong các xung đột. Từ đó, luật quốc tế trở thành phương tiện định hình ngôn ngữ pháp lý toàn cầu.

Thách thức với nguyên tắc pháp quyền toàn cầu

Một mặt, chiến tranh pháp lý có thể giúp các quốc gia nhỏ, yếu thế bảo vệ lợi ích và những quyền lợi cơ bản; nhưng mặt khác, nếu lạm dụng hoặc sử dụng thiếu minh bạch, nó sẽ làm suy giảm niềm tin vào hệ thống pháp luật toàn cầu. Việc luật pháp bị “kéo về phe mình” khiến các thiết chế pháp lý bị nghi ngờ về tính trung lập, nhất là khi gắn với các yếu tố địa chính trị. Đây là thách thức lớn đối với nỗ lực củng cố nguyên tắc pháp quyền toàn cầu (global rule of law). Nếu luật pháp quốc tế trở thành “sân chơi tùy chọn”, nó sẽ không còn khả năng làm đối trọng với sức mạnh chính trị và trật tự quốc tế sẽ ngày càng thiên về đối đầu, xung đột thay vì hòa bình, hợp tác và phát triển.

⁸ Amélie Férey, “Towards a War of Norms? From Lawfare to Legal Operations, Focus Stratégique,” *Institut français des relations internationales* [Ifri], no. 108, 05/4/2022, <https://www.ifri.org/en/towards-war-norms-lawfare-legal-operations/>.

Liên hệ với Việt Nam

Trong bối cảnh các nước đang ngày càng tăng cường sử dụng chiến tranh pháp lý như một công cụ chiến lược để duy trì, đạt được các lợi ích chính trị thì Việt Nam - một quốc gia vừa và nhỏ nhưng có vị trí địa chính trị quan trọng cần một cách tiếp cận chủ động, linh hoạt và dài hạn đối với lĩnh vực này. Thực tế cho thấy, Việt Nam không chỉ là một bên quan sát mà đã, đang và sẽ là một tác nhân trong các xung đột pháp lý quốc tế, đặc biệt liên quan đến các vấn đề thương mại, giao thương quốc tế và lợi ích cốt lõi tại Biển Đông.

Bối cảnh

Là quốc gia ven biển với bờ biển dài hơn 3.000 km và vùng đặc quyền kinh tế nằm trong khu vực tranh chấp chiến lược ở Biển Đông, Việt Nam phải đối mặt với các thách thức pháp lý liên quan đến chủ quyền, quyền tài phán, bảo vệ tài nguyên và tự do hàng hải. Từ sau phán quyết của Tòa trọng tài năm 2016 trong vụ việc Phi-lip-pin kiện Trung Quốc, tính phổ quát của những quy định trong Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển 1982 (UNCLOS) đã ngày càng được củng cố và được công nhận rộng rãi. Dù không trực tiếp tham gia vụ kiện, Việt Nam đã có động thái gửi công hàm khẳng định lập trường và gián tiếp thừa nhận giá trị pháp lý của phán quyết.

Điều này thể hiện Việt Nam đang từng bước nhận thức rõ tầm quan trọng của chiến tranh pháp lý trong việc bảo vệ chủ quyền và thiết lập ưu thế chiến lược mà không cần sử dụng đến biện pháp quân sự. Tuy nhiên, hành động và chiến lược của Việt Nam vẫn còn khá hạn chế khi so sánh với các nước trong khu vực như Xin-ga-po hay Phi-lip-pin - vốn đã có chiến lược lâu dài và chủ động theo đuổi vụ kiện mang tính bước ngoặt như đã nêu.

Cơ hội và thách thức

Việt Nam có thể tận dụng một số lợi thế trong việc phát triển, đưa vào sử dụng và áp dụng chính thức chiến lược pháp lý như các quốc gia khác. Thứ nhất, Việt Nam là thành viên tích cực của nhiều tổ chức quốc tế như ASEAN, Liên hợp quốc, WTO, và đã tham gia hầu hết các điều ước đa phương quan trọng về quyền con người, môi trường và an ninh. Thứ hai, trong chính sách đối ngoại, Việt Nam theo đuổi nguyên tắc “đa phương hóa, đa dạng hóa” và “giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa bình” - phù hợp với tinh thần và các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế. Đây là nền tảng để triển khai chiến lược chiến tranh pháp lý một cách hợp pháp, chính danh và dễ dàng được cộng đồng quốc tế ủng hộ.

Tuy nhiên, bên cạnh những lợi thế sẵn có, Việt Nam cũng cần thẳng thắn nhìn nhận, cải thiện một số hạn chế. Một trong số đó là năng lực thể chế và nhân sự pháp lý quốc tế còn thiếu và yếu. Hiện chưa có một cơ quan liên ngành chuyên trách nào đảm nhiệm chiến lược pháp lý quốc gia trên bình diện quốc tế. Các chuyên gia luật quốc tế có khả năng tham gia tranh tụng ở các thiết chế như Tòa án Công lý quốc tế, Tòa trọng tài thường trực hay Tổ chức thương mại thế giới còn khá ít. Mạng lưới viện nghiên cứu, trung tâm chiến lược pháp lý, hoặc nhóm cố vấn độc lập vẫn chưa được hình thành đầy đủ.

Ngoài ra, nguy cơ bị áp dụng chiến tranh pháp lý từ bên ngoài cũng hiện hữu, đặc biệt trong các lĩnh vực như nhân quyền, đầu tư nước ngoài hoặc tranh chấp thương mại. Việt Nam từng đối mặt với các vụ kiện đầu tư quốc tế theo cơ chế ISDS (Investor-State Dispute Settlement), và trong tương lai có thể bị cáo buộc đối với các vấn đề về môi trường, lao động hoặc vi phạm nghĩa vụ điều ước quốc tế. Nếu không chuẩn bị trước chiến lược phản ứng pháp lý và cơ chế giải trình phù hợp, Việt Nam có thể bị tổn hại nghiêm trọng về uy tín và vị thế quốc tế. Bên cạnh đó, Việt Nam cần tận dụng tối đa vai trò của ASEAN khi tổ chức khu vực này

đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ Việt Nam triển khai chiến tranh pháp lý, đặc biệt trên Biển Đông. Các cơ chế như Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác (TAC) và Tuyên bố về Ứng xử của các bên (DOC) cung cấp nền tảng pháp lý để Việt Nam phối hợp với các nước thành viên khác trong việc bảo vệ lợi ích khu vực.

Đề xuất định hướng chiến lược

Trước những cơ hội và thách thức nói trên, Việt Nam cần xây dựng một chiến lược toàn diện về chiến tranh pháp lý, trong đó có thể tập trung vào một số trụ cột như sau:

Thứ nhất, cần thể chế hóa chiến lược chiến tranh pháp lý bằng việc thành lập một cơ quan liên ngành chuyên trách, ví dụ như Ủy ban Pháp lý quốc tế trực thuộc Chính phủ hoặc Bộ Ngoại giao nhằm điều phối các hoạt động pháp lý quốc tế. Cơ quan này cần xây dựng một lộ trình chiến lược dài hạn, bao gồm việc soạn thảo các kịch bản tranh tụng và hồ sơ pháp lý cho các vấn đề tiềm tàng như tranh chấp Biển Đông hoặc các vụ kiện thương mại quốc tế.

Thứ hai, phát triển nguồn nhân lực pháp lý quốc tế bằng việc tăng cường đào tạo chuyên gia luật quốc tế thông qua các chương trình hợp tác với các trung tâm nghiên cứu uy tín như Trung tâm Luật Quốc tế châu Á (CIL) tại Xin-ga-po hoặc các trường đại học hàng đầu về luật quốc tế. Đồng thời, xây dựng quỹ học bổng hoặc chương trình trao đổi để thu hút các chuyên gia người Việt ở nước ngoài hoặc quốc tế hỗ trợ Việt Nam trong các vụ kiện liên quốc gia.

Thứ ba, tận dụng vai trò của ASEAN: Việt Nam cần phối hợp chặt chẽ với các nước ASEAN như Phi-lip-pin và Ma-lai-xi-a để xây dựng một mặt trận pháp lý chung tại Biển Đông, đặc biệt thông qua việc thúc đẩy Bộ quy tắc ứng xử (COC) như một công cụ pháp lý khu vực. Các cơ

chế như Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác (TAC) cũng cần được tận dụng để củng cố lập trường pháp lý của Việt Nam.

Thứ tư, cần tăng cường và nâng cao hiệu quả truyền thông đối ngoại chiến lược nhằm hỗ trợ các lập luận pháp lý bằng thông điệp rõ ràng, minh bạch và nhất quán.

Kết luận

Chiến tranh pháp lý không còn là hiện tượng nằm bên lề các xung đột quốc tế, mà đã trở thành một mặt trận chiến lược, nơi mà luật pháp được huy động như một vũ khí để tấn công, phòng thủ hoặc định hình trật tự toàn cầu. Trong bối cảnh đó, vai trò của luật quốc tế không chỉ nằm ở chức năng điều tiết hành vi quốc gia, mà còn trở thành công cụ tranh giành ảnh hưởng, chính danh và quyền lực.

Việc các quốc gia sử dụng chiến tranh pháp lý ngày càng tinh vi, từ khởi kiện tại các thiết chế quốc tế, ban hành nội luật có khả năng điều chỉnh xuyên biên giới, đến việc vận động truyền thông và định hình dư luận toàn cầu... đang làm thay đổi sâu sắc cách thức thực hiện quyền lực quốc tế. Các ví dụ từ tranh chấp Kashmir, xung đột Nga - U-crai-na, tình hình I-xra-en - Pa-le-xtin, cho đến cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung đều cho thấy mức độ đa dạng, phức tạp và tiềm ẩn nguy cơ bị lợi dụng của hình thức này.

Tuy nhiên, chiến tranh pháp lý giờ đây không chỉ là sân chơi riêng của các cường quốc. Các quốc gia nhỏ và vừa, nếu biết tận dụng luật pháp quốc tế một cách khôn ngoan, có thể chuyển hóa luật thành công cụ bảo vệ chủ quyền, mở rộng ảnh hưởng và bảo vệ quyền lợi chính đáng. Trường hợp Phi-lip-pin tại Biển Đông là minh chứng rõ nét về thực tế này. Với Việt Nam, đây là lúc cần định hình một chiến lược pháp lý toàn diện - không chỉ mang tính phản ứng mà cần chủ động, dài hạn và gắn

liên với phát triển thể chế, đào tạo nhân lực và củng cố vị thế quốc tế. Chỉ khi thực sự hiểu rõ bản chất và thực hiện chiến lược hóa công cụ pháp luật, các quốc gia như Việt Nam mới có thể tự tin làm chủ công cụ này trong bối cảnh có nhiều thay đổi khó lường như hiện nay./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Đào Thị Tùng. “Chiến lược pháp lý trong bảo vệ chủ quyền quốc gia.” *Tạp chí Cộng sản*, 28/10/2024.
2. Nguyễn Hồng Thao. “Yêu sách Đường đứt khúc 9 đoạn của Trung Quốc dưới góc độ quốc tế.” *Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế* 4 (79) (tháng 12/2009): 57-70.

Tiếng Anh

3. Arab News. “Pakistan Urges UN to Act on Kashmir Dispute.” 05/02/2020. <https://www.arabnews.com/node/1632921/pakistan>.
4. Chinkin, Christine, and Mary Kaldor. *International Law and New Wars*. Cambridge: Cambridge University Press, 2017.
5. Dressler, Michael. “Lawfare: Both an Existential Threat to the International Rule of Law and an Indispensable Tool of American Foreign Policy in the Twenty-First Century.” *Penn State Law Review Forum*, March 6, 2021.
6. Dunlap, Charles J. Jr. *Law and Military Interventions: Preserving Humanitarian Values in 21st Century Conflicts*. Harvard Kennedy School Working Paper, 2001.

7. Expert Center for Human Rights. “The European Court of Human Rights as a Mechanism of Investigation and Bringing the Russian Federation to Responsibility.” 30/10/2023.
8. Férey, Amélie. “Towards a War of Norms? From Lawfare to Legal Operations. Focus Stratégique.” *Institut français des relations internationales* [Ifri], no. 108. 05/4/2022. <https://www.ifri.org/en/towards-war-norms-lawfare-legal-operations/>.
9. Foley, Jordan. “Multi-Domain Legal Warfare: China’s Coordinated Attack on the International Rule of Law.” *Articles of War* (Lieber Institute, West Point), 28/05/2024. <https://lieber.westpoint.edu/multi-domain-legal-warfare-chinas-coordinated-attack-international-rule-law/>.
10. Kittrie, Orde F. *Lawfare: Law as a Weapon of War*. NY: Oxford University Press, 2016.
11. Koskeniemi, Martti. “The Politics of International Law.” *European Journal of International Law*, no 1 (2005).
12. Rajagopalan, R. “India’s Strategic Choices in the Kashmir Dispute.” *South Asian Survey* 27, no 1 (2020): 45-60.